

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2021/HC-PT

Ngày: 09/12/2021

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính, hành vi hành chính về lĩnh  
vực quản lý đất đai và quản lý thuế*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Trường

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tào

Bà Lê Thúy Cầu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Vào ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 299/2021/TLPT-HC ngày 14 tháng 10 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai và quản lý thuế*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2021/HC-ST ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2021/QĐ-PT ngày 12/11/2021.

Giữa các đương sự:

*Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1970; ông Nguyễn Kim A, sinh năm 1971 và ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Tổ 3, khối phố X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khối phố X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

*Người bị kiện:*

Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Viết X. Có mặt

Chi cục trưởng và Chi cục Thuế Khu vực T - P. Địa chỉ: thành phố T, tỉnh

Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Phúc T. Có mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1974, bà Lê Thị Ánh N, sinh năm 1977 và bà Cao Thị Thu H, sinh năm 1980. Cùng địa chỉ: Tổ 3, khối phố X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt

*Người kháng cáo:* Người bị kiện Chi cục trưởng và Chi cục Thuế Khu vực T - P; Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Nam.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Kim O trình bày:***

Năm 2019, ba anh em ông là: Nguyễn Kim T, Nguyễn Kim T và Nguyễn Kim A có Đơn yêu cầu xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (lần đầu). Sau khi hoàn thành các bước theo quy trình cấp Giấy, 03 ông có nhận được 03 Thông báo nộp tiền sử dụng đất do Chi cục thuế khu vực T - P ban hành, cụ thể:

- Thông báo số: LTP2050301-TK0006184/TB-CCT ngày 20/7/2020, số tiền sử dụng đất ông Nguyễn Kim A phải nộp là 383.500.000 đồng;

- Thông báo số: LTB2050301-TK0006188/TB-CCT ngày 20/7/2020, số tiền sử dụng đất ông Nguyễn Kim T phải nộp là 325.975.000 đồng;

- Thông báo số LTB2050301-TK0005833/TB-CCT ngày 09/7/2020, với số tiền sử dụng đất ông Nguyễn Kim T phải nộp là: 110.825.000 (đồng).

Sau khi xem xét, các ông nhận thấy: Các căn cứ để tính tiền thuế sử dụng đất của các Thông báo tại Mục 07 và Mục 10 là không đúng, cụ thể:

- Mục 07: *Đất được Nhà nước giao, cho thuê*

- Mục 10: *Công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nhà ở từ 15/10/2004, Không có giấy tờ theo Khoản 1, Điều 100 Luật đất đai, không có các hành vi vi phạm Điều 22 NĐ 43/2014/NĐ-CP.*

Lý do: Đất của các ông không phải là đất được nhà nước giao, cho thuê mà có nguồn gốc của ông, bà để lại có giấy tờ do chế độ cũ cấp ngày 30/6/1939 (khi nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công thành phố T, các ông đã cung cấp) theo khoản 1 Điều 100 Luật đất đai 2013.

Các Thông báo này là quyết định hành chính trái pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của các ông (theo quy định tại Luật khiếu nại 2011). Nên các ông đã có đơn khiếu nại 02 nội dung trên (Mục 07 và Mục 10) và đã được Chi Cục thuế Khu vực T - P ban hành quyết định giải quyết (lần đầu) tại Quyết định số 3131/QĐ-CCT ngày 08/9/2020. Không thống nhất với nội dung giải quyết tại quyết định này, các ông tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Cục thuế

Quảng Nam và đã được Cục thuế Quảng Nam đã giải quyết (lần hai) tại Quyết định số, 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020. Các quyết định này trái pháp luật và xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của các ông nên các ông tiếp tục làm đơn yêu cầu xem xét lại thì ngày 24/11/2020 Cục Thuế tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số 9021/QĐ-CTQNA để giải quyết.

Chi Cục thuế Khu vực T - P có trách nhiệm làm việc với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T nơi cung cấp thông tin, theo đúng quy định tại Điều 12 của Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: “...*Trường hợp phát hiện hồ sơ có sai sót hoặc thiếu căn cứ để xác định nghĩa vụ tài chính thì cơ quan Thuế đề nghị văn phòng đăng ký đất đai xác định hoặc bổ sung thông tin ...*”, để điều chỉnh lại Mục 10 của các Thông báo thuế sử dụng đất, từ: Công nhận QSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân SĐĐ có nhà ở từ 15/10/2004, không có giấy tờ theo khoản 1 Điều 100 Luật đất đai, không có các hành vi vi phạm Điều 22 NĐ 43/2014/NĐ-CP. Sang: *Công nhận QSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân SĐĐ có nhà ở từ trước năm 1993, có giấy tờ theo khoản 1 Điều 100 Luật đất đai, không có các hành vi vi phạm Điều 22 NĐ 43/2014/NĐ-CP.*

Các ông nhận thấy cả hai Quyết định trên của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông, vì vậy các ông tiếp tục khởi kiện đến Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ việc, Cục thuế Quảng Nam đã không xem xét để yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác minh, mà lại yêu cầu các ông phải liên hệ với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T để được xem xét về nguồn gốc sử dụng và hình thức sử dụng đất là thiếu trách nhiệm, trái với quy định tại Điều 12 của Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Do đó, người khởi kiện ông Nguyễn Kim T, ông Nguyễn Kim A, ông Nguyễn Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

- Hủy Quyết định số 3131/QĐ-CCT ngày 08/9/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T- P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Kim A- Nguyễn Kim T- Nguyễn Kim T (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim O (lần hai);

- Hủy Quyết định số 9021/QĐ-CTQNA ngày 24/11/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc sửa đổi Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020;

- Hủy Thông báo số LTB2050301-TK0006184/TB-CCT ngày 20/7/2020

của Chi cục Thuế Khu vực T - P thông báo số tiền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Kim A - Lê Thị Anh N phải nộp là 383.500.000 đồng;

- Hủy Thông báo số LTB2050301-TK0006188/TB-CCT ngày 20/7/2020 của Chi cục Thuế Khu vực T - P thông báo số tiền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Kim T - Cao Thị Thu H phải nộp là 325.975.000 đồng;

- Hủy Thông báo số LTB2050301-TK0005833/TB-CCT ngày 09/7/2020 của Chi cục Thuế Khu vực T - P thông báo số tiền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Kim T - Nguyễn Thị Kim L phải nộp là 110.825.000 đồng;

- Buộc Chi cục Thuế khu vực T - P tính tiền sử dụng đất cho ông Nguyễn Kim A - bà Lê Thị Ánh N, ông Nguyễn Kim T - bà Cao Thị Thu H và ông Nguyễn Kim T - bà Nguyễn Thị Kim L theo đúng quy định của pháp luật.

***Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chi cục trưởng và Chi cục Thuế Khu vực T - P là ông Nguyễn Phúc T trình bày:***

Ngày 17/7/2020 Chi cục Thuế khu vực T - P tiếp nhận Phiếu chuyển thông tin số 1749/PCTTĐC ngày 22/6/2020 kèm theo hồ sơ đề nghị xác định nghĩa vụ tài chính về đất của ông Nguyễn Kim A, Phiếu chuyển thông tin số 1750/PCTTĐC ngày 22/6/2020 kèm theo hồ sơ đề nghị xác định nghĩa vụ tài chính về đất của ông Nguyễn Kim T và ngày 07/7/2020 Chi cục Thuế khu vực T - P tiếp nhận Phiếu chuyển thông tin số 1955/PCTTĐC ngày 06/7/2020 kèm theo hồ sơ đề nghị xác định nghĩa vụ tài chính về đất của ông Nguyễn Kim T do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T chuyển đến, với nội dung:

Hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo qui định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013 và khoản 2 Điều 20, Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 3 và điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, Chi cục Thuế Khu vực T - P đã ban hành các thông báo nộp tiền sử dụng đất:

- Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2050301-TK10006184/TB-CCT ngày 20/1/2020, số tiền sử dụng đất phải nộp: 383.500.000 đồng ( $= 118\text{m}^2 \times 6.500.000 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$ ); trong đó: Diện tích đất được công nhận quyền sử dụng đất là  $118\text{m}^2$ ; mục đích sử dụng: đất ở; giá đất ở đô thị tại phường T, đường T - P, đoạn từ nhà bà Cao Thị Lê N - Nguyễn Thị L đến giáp xã T, thành phố T tính thu tiền sử dụng đất:  $6.500.000 \text{ đồng/m}^2$ ), người nộp tiền sử dụng đất: Nguyễn Kim A;

- Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2050301-TK0006188/TB-CCT ngày 20/7/2020, số tiền sử dụng đất phải nộp: 325.975.000 đồng ( $= 100,3 \text{ m}^2 \times 6.500.000 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$ ); trong đó: Diện tích đất được công nhận quyền sử

dụng đất là 100,3m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: đất ở; giá đất ở đô thị tại phường T, đường T - P, đoạn từ nhà bà Cao Thị Lệ N - Nguyễn Thị L đến giáp xã T, thành phố T tính thu tiền sử dụng đất: 6.500.000 đồng/m<sup>2</sup>), người nộp tiền sử dụng đất: Nguyễn Kim T;

- Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2050301-TK0005833/TB-CCT ngày 09/7/2020, số tiền sử dụng đất phải nộp: 110.325.000 đồng (= 34,1m<sup>2</sup> x 6.500.000 đồng/m<sup>2</sup> x 50%); trong đó: Diện tích đất được công nhận quyền sử dụng đất là 34,1m<sup>2</sup> mục đích sử dụng đất ở; giá đất ở đô thị tại phường T, đường T - P, đoạn từ nhà bà Cao Thị Lệ N - Nguyễn Thị L đến giáp xã T, thành phố T tính thu tiền sử dụng đất: 6.500.000 đồng/m<sup>2</sup>), người nộp tiền sử dụng đất: Nguyễn Kim T.

Về việc giải quyết khiếu nại: Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T- P có đối thoại nhưng lập Biên bản làm việc là sai sót về mặt thuật ngữ, nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi của người khiếu nại. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần 02 Cục trưởng Cục Thuế Quảng Nam đã khắc phục sai sót về việc đối thoại của quá trình giải quyết khiếu nại lần 01 và giải quyết khiếu nại lần 02 đúng theo quy định pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bác đơn khởi kiện của các ông Nguyễn Kim A - ông Nguyễn Kim T - ông Nguyễn Kim T.

***Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam trình bày:***

Căn cứ các văn bản hướng dẫn về thu tiền sử dụng đất và các Phiếu chuyển thông tin kèm theo hồ sơ để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T số 1749/PCTTĐC ngày 22/6/2020 đối với ông Nguyễn Kim A; số 1750/PCTTD ngày 22/6/2020 đối với ông Nguyễn Kim T và số 1955/PCTTĐC ngày 06/7/2020 đối với ông Nguyễn Kim T, Chi cục Thuế khu vực T - P đã ban hành các thông báo nộp tiền sử dụng đất:

Số LTB2050301-TK0006184/TB-CCT, ngày 20/7/2020, số tiền sử dụng đất phải nộp: 383.500.000 đồng đối với ông Nguyễn Kim A;

Số LTB2050301-TK006188/TB-CCT, ngày 20/7/2020, số tiền sử dụng đất phải nộp: 325.975.000 đồng đối với ông Nguyễn Kim T;

Số LTB2050301-TK0005833/TB-CCT, ngày 09/7/2020, số tiền sử dụng đất phải nộp: 110.825.000 đồng đối với ông Nguyễn Kim T.

Các ông Nguyễn Kim A, Nguyễn Kim T và Nguyễn Kim T không chấp nhận các Thông báo nêu trên của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T - P (sau đây gọi tắt là CCT Khu vực) nên ngày 10/8/2020 các ông đã làm đơn khiếu nại gửi đến CCT Khu vực.

Trên cơ sở Đơn khiếu nại ngày 10/8/2020 của các ông Nguyễn Kim A - Nguyễn Kim T - Nguyễn Kim T, ngày 08/9/2020 Chi cục trưởng CCT Khu vực đã ban hành Quyết định số 3131/QĐ-CCT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với các ông Nguyễn Kim A - Nguyễn Kim T - Nguyễn Kim T.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất trong các Thông báo thu tiền sử dụng đất của CCT Khu vực đã được nêu tại khoản 1 Mục II Quyết định số 3131/QĐ-CCT ngày 08/9/2020 của CCT Khu vực về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với các ông Nguyễn Kim A - Nguyễn Kim T - Nguyễn Kim T.

Như vậy, trong các văn bản liên quan đến việc xác định nguồn gốc sử dụng các thửa đất (nêu trên) cho thấy UBND phường T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T đều xác nhận là hồ sơ đảm bảo thủ tục cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013, khoản 1 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Theo đó, CCT Khu vực căn cứ Phiếu chuyển thông tin của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T và căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để tính và thông báo thu tiền sử dụng đất đối với các ông Nguyễn Kim A - Nguyễn Kim T - Nguyễn Kim T là đúng với quy định.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Kim O có bổ sung hồ sơ giải quyết khiếu nại gồm:

- + Giấy cho đất để xây nhà ở viết tay không có công chứng, chứng thực, đề ngày 10/01/1992 của ông Nguyễn Kim L và bà Nguyễn Thị Lệ D;

- + Biên bản của UBND phường T về việc họp với hộ gia đình ông Nguyễn Kim L ngày 12/02/2020;

- + Trích lục khai sinh số 504 2019 TLKS-BS ngày 10/10/2019;

- + Bản trích lục Địa bộ giao cho: ông Nguyễn C (Cha ông Nguyễn Kim L là ông nội của các ông Nguyễn Kim A - Nguyễn Kim T - Nguyễn Kim T).

Tuy nhiên, đối với các hồ sơ trên, trong quá trình giải quyết khiếu nại Cục Thuế tỉnh Quảng Nam không có thẩm quyền để xác định nguồn gốc sử dụng đất đối với các hồ sơ nêu trên, do việc xác định nguồn gốc đất thuộc trách nhiệm của Cơ quan đăng ký đất đai thành phố T.

Căn cứ quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Phụ lục bảng giá đất quy định tại Điều 1 Quyết định số 24/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định về giá đất; bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn thành phố T và Điều 12 Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22/06/2016 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường, CCT Khu vực đã thực hiện hết trách nhiệm:

- Ngày 24/6/2020, sau khi nhận được Phiếu chuyển thông tin địa chính số

1749, 1750/PCTTĐC ngày 22/6/2020 và số 1955/PCTTĐC ngày 06/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T, CCT Khu vực đã lập Phiếu chuyển hồ sơ số 112, 113/PCCCT xác nhận lại nguồn gốc nhà đất để đủ cơ sở xác định nghĩa vụ tài chính cho công dân.

- CCT Khu vực đã ban hành lần lượt các công văn số 760/CCT-TTHTTBTK, ngày 21/7/2020 và số 867/CTT-TTHT-TBTK, ngày 14/8/2020 trả lời Đơn yêu cầu xem xét các ngày 14/7/2020 và ngày 04/8/2020) của các ông Nguyễn Kim A - Nguyễn Kim T - Nguyễn Kim T đồng thời đều gửi cho UBND thành phố T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T để phối hợp xử lý trong đó nêu rõ “việc xác định nguồn gốc đất không thuộc thẩm quyền của Chi cục Thuế”.

- Sau khi CCT Khu vực ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3131/QĐ-CCT ngày 08/9/2020 các ông: Nguyễn Kim A - Nguyễn Kim T - Nguyễn Kim T lại tiếp tục có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 3131 do “Trích lục do Đại Nam Trung Kỳ Chánh phủ, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 30/6/1939 không được công nhận là một trong các giấy tờ theo quy định tại khoản 1, Điều 100 Luật đất đai số 45/2013/QH13”. CCT Khu vực tiếp tục có Công văn số 1071/CCT-KK ngày 24/9/2020 gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T đề nghị sớm có văn bản xác định tính hợp pháp của Trích lục bản đồ nêu trên.

Tuy nhiên, do không nhận được ý kiến thẩm tra về xác minh lại nguồn gốc đất đối với các ông Nguyễn Kim A - Nguyễn Kim T - Nguyễn Kim T cũng như việc xác định tính hợp pháp của Trích lục do Đại Nam Trung Kỳ Chánh phủ, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 30/6/1939 cho ông Nguyễn C có được công nhận là một trong các loại giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai số 45/2013/QH13, ngày 29/11/2013 cho hộ cá nhân, gia đình đang sử dụng đất (là các ông Nguyễn Kim A - Nguyễn Kim T - Nguyễn Kim T: cháu nội của ông Nguyễn C) của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T nên Chi cục Thuế Khu vực và Cục Thuế tỉnh Quảng Nam đã giải quyết khiếu nại như kết quả đã nêu.

Cục Thuế tỉnh Quảng Nam thấy rằng:

Tài liệu bà Nguyễn Thị Kim O cung cấp về nguồn gốc đất không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thuế. Chi cục Thuế Khu vực căn cứ Phiếu chuyên thông tin của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T; Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có xác nhận của UBND phường T và ý kiến của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T và các hồ sơ kèm theo để Thông báo thu tiền sử dụng đất đối với các ông Nguyễn Kim A, Nguyễn Kim T và Nguyễn Kim T, yêu cầu nộp 50% tiền sử dụng đất là đúng với quy định.

Chi cục Thuế khu vực T - P đã làm hết chức trách, nhiệm vụ của mình, việc người khởi kiện cho rằng cơ quan Thuế thiếu trách nhiệm trong khi xem xét giải quyết vụ việc là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của người khởi kiện. Trường hợp có sự nhầm lẫn trong việc cung cấp thông tin từ phía cơ quan đăng ký đất đai, đề nghị bà Nguyễn Thị Kim O (đại diện của những người khởi kiện) làm việc trực tiếp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai T để được hướng dẫn bổ sung hồ sơ thủ tục theo quy định và xác định đúng nguồn gốc đất

***Với nội dung nêu trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 52/2021/HC-ST ngày 03/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:***

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 3; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 173; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQPI14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim T, ông Nguyễn Kim A và ông Nguyễn Kim T về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai và quản lý thuế”.

- Hủy Quyết định số 3131/QĐ-CCT ngày 08/9/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T - P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Kim A - ông Nguyễn Kim T - ông Nguyễn Kim T (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim O (lần hai).

- Hủy Quyết định số 9021/QĐ-CTQNA ngày 24/11/2020 Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc sửa đổi Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020.

- Hủy Thông báo số LTB2050301-TK0006184/TB-CCT ngày 20/7/2020 của Chi cục Thuế Khu vực T - P thông báo số tiền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Kim A - Lê Thị Ánh N phải nộp là 383.500.000 đồng.

- Hủy Thông báo số LTB2050301-TK0006188/TB-CCT ngày 20/7/2020 của Chi cục Thuế Khu vực T - P thông báo số tiền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Kim T - Cao Thị Thu H phải nộp là 325.975.000 đồng.

- Hủy Thông báo số LTB2050301-TK0005833/TB-CCT ngày 09/7/2020 của Chi cục Thuế Khu vực T - P thông báo số tiền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Kim T- Nguyễn Thị Kim L phải nộp là 110.825.000 đồng.



- Buộc Chi cục Thuế khu vực T- P tính tiền sử dụng đất cho ông Nguyễn Kim A - bà Lê Thị Ánh N, ông Nguyễn Kim T - bà Cao Thị Thu H và ông Nguyễn Kim T - bà Nguyễn Thị Kim L theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho đương sự.

Ngày 12 và 13 tháng 8 năm 2021, người bị kiện Chi cục thuế khu vực T - P và Cục thuế tỉnh Quảng Nam kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền cho người bị kiện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2021/HC-ST ngày 03/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam như nội dung đơn kháng cáo. Người đại diện hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của đại diện người bị kiện; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, trình tự thủ tục phiên tòa đã được Hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện cho người bị kiện; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1]. Xét nguồn gốc các thửa đất ông Nguyễn Kim T, Nguyễn Kim A, Nguyễn Kim T sử dụng; Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên thửa đất số 723, tờ bản đồ số 3, diện tích 4474m<sup>2</sup> (500m<sup>2</sup> là đất T, 3224m<sup>2</sup> là đất ĐM, 250m<sup>2</sup> đất Q, 500m<sup>2</sup> đất LNK) do ông Nguyễn Kim L và bà Nguyễn Thị Lệ D sử dụng từ năm 1939 có nguồn gốc là của cha ông là ông Nguyễn C để lại theo “*Giấy Địa Nam Trung Kỳ Chánh Phủ*”. Ông L có đăng ký trong Sổ Đăng ký ruộng đất (số 5b). Năm 1992, ông L và bà D đã viết Giấy cho đất để xây dựng nhà ở đối với 06 người con, gồm có các ông bà: Nguyễn Kim T, Nguyễn Kim A, Nguyễn Kim T, Nguyễn Kim H, Nguyễn Thị Kim Y và Nguyễn Thị Kim O. Căn cứ vào Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 15/12/2019; Giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường T ngày 29/5/2020; Biên bản kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đất ngày 29/5/2020 giữa đại diện UBND phường T với ông Võ Công Sơn (cán bộ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai T) xác định: Nguyên thửa đất số 30,

tờ bản đồ số 32, diện tích 97,4m<sup>2</sup> (số thửa mới là 73, tờ bản đồ số 60, diện tích 131,5m<sup>2</sup>) ông Nguyễn Kim T, bà Nguyễn Thị Thanh L sử dụng là của cha mẹ là ông L và bà D cho; nguyên thửa đất số 34, tờ bản đồ số 32, diện tích 106,9m<sup>2</sup> (số thửa mới là 70, tờ bản đồ số 60, diện tích 145,2m<sup>2</sup>) ông Nguyễn Kim A, bà Lê Thị Ánh N sử dụng là đất của cha mẹ là ông L và bà D cho; nguyên thửa đất số 31, tờ bản đồ số 32, diện tích 135m<sup>2</sup> (số thửa mới là 72, tờ bản đồ số 60, diện tích 128,3m<sup>2</sup>) ông Nguyễn Kim T, bà Cao Thị Thu H sử dụng là đất của cha mẹ là ông L và bà D cho; là một phần đất trồng cây lâu năm có nguồn gốc trước năm 1980; ông Nguyễn Kim L có tên trong sổ đăng ký ruộng đất (Số 5b) tại thửa đất số 723, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.474m<sup>2</sup> (500m<sup>2</sup> đất T, 3.224m<sup>2</sup> đất ĐM, 250m<sup>2</sup> đất Q, 500m<sup>2</sup> đất LNK) diện tích không phải loại đất công ích 5% của địa phương quản lý; ông T và bà L tự xây dựng nhà ở năm 1993, ông A và bà N tự xây dựng nhà ở năm 1997, ông T và bà H tự xây dựng nhà ở năm 2000, cho đến nay cả 03 diện tích đất được cha mẹ cho nêu trên đều sử dụng ổn định, ranh giới rõ ràng, không tranh chấp. Như vậy có đủ cơ sở xác định ông nội và cha mẹ của các ông T, A, T sử dụng thửa đất này trước năm 1980.

[2.]. Xét kháng cáo của người bị kiện về việc không chấp nhận đơn kiện của người khởi kiện đề nghị sửa án sơ thẩm; giữ nguyên các Quyết định hành chính và các Thông báo về thuế; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về hình thức các văn bản hành chính:

Quyết định số 3131/QĐ-CCT ngày 08/9/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T- P về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của các ông Nguyễn Kim A, Nguyễn Kim T, Nguyễn Kim T; Quyết định số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị Kim O; Quyết định số 9021/QĐ-CTQNA ngày 24/11/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc sửa đổi Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020 là các quyết định giải quyết khiếu nại được ban hành đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn theo quy định tại Điều 14, Điều 15, Điều 20, Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, Quyết định số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị Kim O về hình thức là không đúng theo quy định; bởi lẽ: Ông Nguyễn Kim A, Nguyễn Kim T, Nguyễn Kim T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim O thực hiện việc khiếu nại đối với nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 3131/QĐ-CCT ngày 08/9/2020 của Chi Cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T- P về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của các ông Nguyễn Kim A, Nguyễn Kim T và Nguyễn Kim T là không đúng về hình thức khiếu nại theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Luật Khiếu nại năm 2011: “5. Trường hợp khiếu

*nại được thực hiện thông qua người đại diện thì người đại diện phải là một trong những người khiếu nại, có giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của việc đại diện và thực hiện khiếu nại theo quy định của Luật này”.*

[2.2]. Về nội dung của các văn bản hành chính:

[2.2.1]. Đối với Quyết định số 3131/QĐ-CCT ngày 08/9/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T- P về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Kim A, Nguyễn Kim T và Nguyễn Kim T. Ngày 10/8/2020, các ông Nguyễn Kim A, Nguyễn Kim T và Nguyễn Kim T gửi đơn khiếu nại đến Chi cục Thuế khu vực T - P về nội dung các căn cứ để tính tiền thuế sử dụng đất và xác định nguồn gốc đất của các Thông báo số LTB-2050301-TK0006184/TB-CCT; Thông báo số LTB-2050301-TK0006188/TB-CCT; Thông báo số LTB-2050301-TK0005833/TB-CCT tại Mục 07 và Mục 10 là không đúng: “Mục 07: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất. Mục 10: Công nhận QSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân SDĐ có nhà ở từ 15/10/2004, không có giấy tờ theo khoản 1 Điều 100 Luật đất đai, không có các hành vi vi phạm Điều 22 ND43/2014/ND-CP”. Ngày 08/9/2020, Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T - P đã ban hành Quyết định số 3131/QĐ-CCT về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Kim A, Nguyễn Kim T và Nguyễn Kim T có nội dung: “Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Kim A, Nguyễn Kim T và Nguyễn Kim T, Chi cục Thuế T P nhận thấy: Nội dung nguồn gốc đất ghi trên Thông báo thu tiền sử dụng đất “đất được nhà nước giao, cho thuê” là không chính xác với nội dung ghi trên phiếu chuyển thông tin địa chính “công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất”. Đính chính nội dung nguồn gốc đất tại mục số 7 và giữ nguyên các chỉ tiêu còn lại”. Như vậy, Quyết định số 3131/QĐ-CCT ngày 08/9/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T- P có vi phạm như sau: Thứ nhất, trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T- P không tổ chức đối thoại khi giải quyết khiếu nại là trái với quy định tại Điều 30 Luật khiếu nại năm 2011. Thứ hai, tại phần Kết luận trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 3131/QĐ-CCT ngày 08/9/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T- P chưa kết luận nội dung khiếu nại “là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ” là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật khiếu nại 2011 “Người giải quyết khiếu nại lần đầu phải ra quyết định giải quyết khiếu nại bằng văn bản. Quyết định giải quyết khiếu nại phải có các nội dung sau: Kết luận nội dung khiếu nại là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ”.

[2.2.2]. Đối với Quyết định số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại lần hai là không

thống nhất với nội dung giải quyết tại Quyết định số 3131/QĐ-CCT ngày 08/9/2020; bà Nguyễn Thị Kim O (người đại diện theo ủy quyền của ông A, Kim, T) gửi đơn khiếu nại đến Cục thuế Quảng Nam với nội dung: *“hình thức sử dụng đất tại mục 10 trong các thông báo thu tiền sử dụng đất do Chi cục Thuế khu vực T - P ban hành chưa phù hợp với hồ sơ người khiếu nại cung cấp; Chi cục Thuế khu vực T - P chưa xác định nội dung khiếu nại là đúng hay sai; Chi cục Thuế khu vực T - P chưa tổ chức đối thoại trước khi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại”*. Tại Quyết định số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020 của Cục trưởng Cục thuế tỉnh Quảng Nam đã giải quyết lần hai có nội dung: *“Công nhận một phần nội dung đơn khiếu nại đề ngày 25/9/2020 của bà Nguyễn Thị Kim O”* mà không nêu rõ tại quyết định này công nhận phần nội dung khiếu nại nào trong 02 nội dung khiếu nại trên là không có căn cứ và trái quy định pháp luật. Đồng thời Quyết định số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam không kết luận phần khiếu nại về *“Mục 10: Công nhận QSDĐ cho hộ gia đình, cá nhân SDĐ có nhà ở từ 15/10/2004, không có giấy tờ theo khoản 1 Điều 100 Luật đất đai, không có các hành vi vi phạm Điều 22 NĐ 43/2014/NĐ-CP”* là trái quy định của pháp luật, sai về phần căn cứ xác định nguồn gốc đất, loại đất làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, ông A và ông T.

[2.2.3]. Đối với Quyết định số 9021/QĐ-CTQNA ngày 24/11/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc sửa đổi Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020. Thấy rằng: Các ông Nguyễn Kim T, Nguyễn Kim T và Nguyễn Kim A cho là các quyết định trên trái pháp luật và xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp nên ông tiếp tục làm đơn yêu cầu xem xét lại, ngày 24/11/2020 Cục Thuế tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định số 9021/QĐ-CTQNA để sửa đổi Điều 1, Quyết định số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam, cụ thể *“Tại phần Kết luận trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 3131/QĐ-CCT ngày 08/9/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T- P chưa kết luận nội dung khiếu nại “là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ” là chưa đúng quy định pháp luật; trong quá trình giải quyết không tổ chức đối thoại là trái quy định pháp luật; không công nhận nội dung bà Nguyễn Thị Kim O khiếu nại Chi cục Thuế khu vực T - P ban hành các thông báo thu tiền sử dụng đất chưa phù hợp”*. Tuy nhiên tại quyết định này vẫn sai về phần căn cứ xác định nguồn gốc đất, loại đất làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, ông A và ông T.

[2.2.4]. Đối với các Thông báo số LTB-2050301-TK0006184/TB-CCT ngày 20/7/2020, Thông báo số LTB-2050301-TK0006188/TB-CCT ngày

20/7/2020, Thông báo số LTB-2050301-TK0005833/TB-CCT ngày 09/7/2020 của Chi cục thuế khu vực T-P; Hội đồng xét xử thấy rằng: Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2050301-T10006184/TB-CCT ngày 20/01/2020 của Chi cục thuế khu vực T - P có nội dung: Nguồn gốc đất, đất được Nhà nước giao, cho thuê; tiền sử dụng đất phải nộp: 383.500.000 đồng ( $= 118\text{m}^2 \times 6.500.000 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$ ); trong đó: diện tích đất được công nhận quyền sử dụng đất là  $118\text{m}^2$ ; mục đích sử dụng: đất ở; giá đất ở đô thị tại phường T, đường T - P, đoạn từ nhà bà Cao Thị Lệ N - Nguyễn Thị L đến giáp xã T, thành phố T tính thu tiền sử dụng đất: 6.500.000 đồng/ $\text{m}^2$ ), người nộp tiền sử dụng đất: Nguyễn Kim A. Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2050301-TK0006188/TB-CCT ngày 20/7/2020 của Chi cục thuế khu vực T - P có nội dung: Nguồn gốc đất, đất được Nhà nước giao, cho thuê; tiền sử dụng đất phải nộp: 325.975.000 đồng ( $= 100,3\text{m}^2 \times 6.500.000 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$ ); trong đó: Diện tích đất được công nhận quyền sử dụng đất là  $100,3\text{m}^2$ , mục đích sử dụng: đất ở; giá đất ở đô thị tại phường T, đường T - Phủ Ninh, đoạn từ nhà bà Cao Thị Lệ N - Nguyễn Thị L đến giáp xã T, thành phố T tính thu tiền sử dụng đất: 6.500.000 đồng/ $\text{m}^2$ ), người nộp tiền sử dụng đất: Nguyễn Kim T; Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2050301-TK0005833/TB-CCT ngày 09/7/2020 của Chi cục thuế khu vực T - P có nội dung: Nguồn gốc đất: đất được Nhà nước giao, cho thuê; tiền sử dụng đất phải nộp: 110.325.000 đồng ( $34,1\text{m}^2 \times 6.500.000 \text{ đồng/m}^2 \times 50\%$ ); trong đó: diện tích đất được công nhận quyền sử dụng đất là  $34,1\text{m}^2$  mục đích sử dụng đất ở; giá đất ở đô thị tại phường T, đường T - P, đoạn từ nhà bà Cao Thị Lệ N - Nguyễn Thị L đến giáp xã T, thành phố T tính thu tiền sử dụng đất: 6.500.000 đồng/ $\text{m}^2$ ), người nộp tiền sử dụng đất: Nguyễn Kim T. Nội dung các thông báo nộp tiền sử dụng đất trên là trái quy định của pháp luật; bởi lẽ: Thông báo nộp tiền sử dụng đất LTB-2050301-TK0006184/TB-CCT ngày 20/7/2020; Thông báo số LTB-2050301-TK0006188/TB-CCT ngày 20/7/2020; Thông báo số LTB-2050301-TK0005833/TB-CCT ngày 09/7/2020 đã căn cứ Điều 3 và điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất “*Thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai*”, Chi cục Thuế khu vực T- P đã ban hành các thông báo nộp tiền sử dụng đất là không đúng với chứng cứ tại hồ sơ vụ án: Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 15/12/2019; Giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường T ngày 29/5/2020; Biên bản kiểm tra hồ sơ cấp giấy chứng nhận ngày 29/5/2020 giữa đại diện UBND phường T với ông Võ Công Sơn (cán bộ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai

T). Vì trên thực tế cha mẹ ông T, A, T đã sử dụng trước năm 1980. Việc nhận định thời điểm sử dụng đất như trên làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, A, T. Đồng thời tại phần xác định nguồn gốc đất của 03 Thông báo đều nêu: “*đất được Nhà nước giao, cho thuê*” là trái quy định của pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nêu trên, cần căn cứ vào Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất “*Thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai; người sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất ở đang sử dụng trong hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân; đối với diện tích đất ở vượt hạn mức công nhận đất ở (nếu có) thì phải nộp tiền sử dụng đất bằng 50% tiền sử dụng đất theo giá đất quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*” để ra Thông báo nộp tiền sử dụng đất đối với ông T, ông A, ông T mới đúng quy định của pháp luật.

[3]. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án thì yêu cầu nêu trên của ông T, ông A và ông T là có cơ sở; bởi lẽ: Nguồn gốc các thửa đất ông T, ông T và ông A đang sử dụng cần áp dụng khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai, Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất “*Thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 khi không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai*” để buộc Chi cục Thuế khu vực T - P tính thuế tiền sử dụng đất cho ông Nguyễn Kim A và bà Lê Thị Ánh N, ông Nguyễn Kim T và bà Cao Thị Thu H, ông Nguyễn Kim T và bà Nguyễn Thị Kim L theo đúng quy định của pháp luật.

[4]. Tại phiên tòa hôm nay đại diện người bị kiện cho rằng có gửi văn bản đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam - Chi nhánh T kiểm tra đính chính lại hồ sơ cho ông T, ông A và ông T, nhưng không thấy phản hồi. Trong trường hợp như vậy, lẽ ra khi nhận được đơn khiếu nại và hồ sơ bổ sung của công dân, cơ quan Thuế phải thu hồi lại Thông báo thuế, chuyển trả hồ sơ cho Văn phòng Đăng ký đất đai để xác minh, thẩm định làm rõ nguồn gốc đất mà những người khởi kiện sử dụng nhằm ban hành lại Thông báo thuế đảm bảo quyền lợi cho công dân và theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những căn cứ trên; nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim T, ông Nguyễn Kim A và ông Nguyễn Kim T về việc “*Khiếu kiện quyết*

định hành chính về lĩnh vực quản lý thuế” là có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện là đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay những người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng mới; do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của những người bị kiện; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên những người bị kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

***Vì các lẽ trên,***

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính 2015.

1/ Bác kháng cáo của Chi cục thuế khu vực T - P và Cục thuế tỉnh Quảng Nam; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2021/HC-ST ngày 03/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 173; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQPI14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim T, ông Nguyễn Kim A và ông Nguyễn Kim T về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai và quản lý thuế*”.

- Hủy Quyết định số 3131/QĐ-CCT ngày 08/9/2020 của Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực T- P về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Kim A - Nguyễn Kim T- Nguyễn Kim T (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020 của Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim O (lần hai).

- Hủy Quyết định số 9021/QĐ-CTQNA ngày 24/11/2020 Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc sửa đổi Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 8610/QĐ-CTQNA ngày 04/11/2020.

- Hủy Thông báo số LTB2050301-TK0006184/TB-CCT ngày 20/7/2020 của Chi cục Thuế Khu vực T - P thông báo số tiền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Kim A - Lê Thị Ánh N phải nộp là 383.500.000 đồng.

- Hủy Thông báo số LTB2050301-TK0006188/TB-CCT ngày 20/7/2020 của Chi cục Thuế Khu vực T - P thông báo số tiền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Kim T - Cao Thị Thu H phải nộp là 325.975.000 đồng.

- Hủy Thông báo số LTB2050301-TK0005833/TB-CCT ngày 09/7/2020 của Chi cục Thuế Khu vực T - P thông báo số tiền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Kim T- Nguyễn Thị Kim L phải nộp là 110.825.000 đồng.

- Buộc Chi cục Thuế khu vực T- P tính tiền sử dụng đất cho ông Nguyễn Kim A - bà Lê Thị Ánh N, ông Nguyễn Kim T - bà Cao Thị Thu H và ông Nguyễn Kim T - bà Nguyễn Thị Kim L theo đúng quy định của pháp luật.

**2/ Án phí hành chính phúc thẩm:** Chi cục thuế khu vực T - P và Cục thuế tỉnh Quảng Nam, mỗi đương sự phải nộp 300.000đ; mỗi đương sự đã tạm ứng 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai số 2709 ngày 18/8/2021 và số 2713 ngày 23/8/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (các đương sự đã nộp đủ án phí phúc thẩm)

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (09/12/2021)/.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Tấn Trường**